

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY NHÔM ĐẮK NÔNG - TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3725/DNA-TTV

Lâm Đồng, ngày 30 tháng 10 năm 2025

V/v: Mời báo giá vật tư cơ điện phục vụ
công tác gia công, phục hồi quý I/2026

Kính gửi: Các Nhà cung cấp quan tâm.

Công ty Nhôm Đắc Nông - TKV trân trọng cảm ơn sự hợp tác của các Nhà cung cấp trong thời gian qua.

Căn cứ nhu cầu vật tư cơ điện phục vụ công tác gia công, phục hồi quý I/2026 của Công ty Nhôm Đắc Nông - TKV (DNA) và để có cơ sở lập dự toán phục vụ công tác mua sắm, đề nghị các Nhà cung cấp quan tâm báo giá các danh mục hàng hoá với các nội dung chi tiết như Phụ lục kèm theo.

Các Nhà cung cấp quan tâm gửi báo giá trực tiếp đến Văn phòng DNA hoặc phòng Kế hoạch - Tiêu thụ DNA (SĐT: 0828.123.355). Địa chỉ: Thôn 11, xã Nhân Cơ, tỉnh Lâm Đồng đối với bản giấy hoặc gửi qua Email: Dnakehoach@gmail.com đối với file điện tử.

Thời gian tiếp nhận báo giá kể từ ngày các Nhà cung cấp nhận được Công văn này cho đến 07 ngày làm việc tiếp theo (dự kiến ngày 10/11/2025).

Lưu ý: Các Nhà cung cấp phải điền đầy đủ thông tin như Phụ lục kèm theo và ký tên, đóng dấu đầy đủ. Trường hợp Nhà cung cấp gửi trực tiếp báo giá tại Văn phòng của DNA vui lòng mang theo giấy giới thiệu, CCCD của người gửi để làm thủ tục giao nhận.

Nhà cung cấp muốn biết thêm chi tiết xin liên hệ ông: Cao Huỳnh Đức - Phòng Kế hoạch - Tiêu thụ theo số: 0383.379.369.

Rất mong nhận được sự hợp tác của các Nhà cung cấp.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Giám đốc (e-copy, để b/c);
- Các Phó GD, (e-copy);
- Các phòng: KHTT, CD, VT, KTTC (e-copy);
- Website công ty (đăng tải);
- Lưu: VT, KHTT.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bá Phong

Phụ lục: Danh mục vật tư lấy báo giá vật tư cơ điện phục vụ công tác gia công, phục hồi quý I/2026

Kèm theo công văn số: 3725/DNA-TTV ngày 30/10/2025

Đơn hàng mua sắm 1: Mặt bằng tải, vật tư nổi bằng tải các loại				Đổi tượng sử dụng/Mục đích sử dụng	Hãng sản xuất/Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tiến độ cung cấp
STT	Tên, chủng loại vật tư	Ký mã hiệu, Quy cách/thông số kỹ thuật								
I	Vật tư chính gia công									
1	Cây nhựa đặc	Ø30x1000mm; Vật liệu ABS		Gia công chốt nhựa đặc máy rửa cánh vuông EV01-04, cấp liệu xích CF01-04		Cây	18			
2	Cây nhựa đặc	Ø40x1000mm; Vật liệu ABS		Phục vụ công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khu vực A-01,A-02,A-04,A-05,A-06		Cây	3			
3	Cây nhựa đặc	Ø45x1000mm; Vật liệu ABS		Phục vụ công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khu vực A-01,A-02,A-04,A-05,A-06		Cây	6			
4	Cây nhựa đặc	Ø50x1000mm; Vật liệu ABS		Phục vụ công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khu vực A-01,A-02,A-04,A-05,A-06		Cây	18			
5	Cây nhựa đặc	Ø80x1000mm; Vật liệu ABS		Phục vụ công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khu vực A-01,A-02,A-04,A-05,A-06		Cây	28			
6	Thép tròn đặc	Ø90x1500mm; Vật liệu C45		Gia công búa gỗ bàn cực âm, đường lọc bụi tĩnh điện B-01R2S061b		Cây	1			
7	Thép tròn đặc	Ø125x750mm; Vật liệu C45				Cây	1			
8	Thép la	50x10x6000mm; Vật liệu SS400				Cây				
9	Thép tròn đặc	Ø80x1288; Vật liệu C45		Gia công trục bơm nước Hồ Cầu Tư NC.01.Pu101		Cây	1			
10	Thép tròn đặc	Ø52x1285mm; Vật liệu 45XH		Gia công trục lắp búa May nghiền B-02R1S015a		Cây	4			
11	Thép tấm	1500x4000x20mm; Vật liệu Hardox 500		Gia công lam gầu xe Xúc lật 3m³ 3000x350x20mm; Lam gầu xe Xúc lật 0,8m³ 1980x250x20mm; Lam gầu máy xúc bánh xích 0,58m³ 1020x250x20mm.		Tấm	1			
12	Thép tấm	1500x3000x12mm; Vật liệu SS400				Tấm	1			
13	Thép tấm	1250x6000x12mm; Vật liệu Hadrox500		Gia công máng phễu triper 2600x500x3600mmx12mm; vật liệu Hardox500 bằng tải quảng tỉnh NC.01.BC501		Tấm	2			
14	Thép tấm	1250x3000x12mm; Vật liệu SS400				Tấm	1			
15	Thép hình	V90x90x10x6000mm; vật liệu CT3				Cây	2			
16	Thép hình	H150x150x9x3000mm; Vật liệu SS400				Cây	1			
17	Thép hình	U150x75x6.5x3000mm; Vật liệu SS400				Cây	1			

STT	Tên, chủng loại vật tư	Ký mã hiệu, Quy cách/thông số kỹ thuật	Đối tượng sử dụng/Mục đích sử dụng	Hãng sản xuất/Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tiến độ cung cấp
18	Bu lông	Bu lông M20x60mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông + 02 đai ốc + 01 đệm vênh + 01 đệm phẳng	Gia công máng phễu triper 2600x500x3600mmx12mm; vật liệu Hardox500 bằng tái khoáng tính NC.01.BC501		Bộ	16			
19	Thép tấm	R1200xR1045x35mm; Vật liệu Q235A (1 tấm gồm 2 cái R1200xR1045x35mm ghép lại)	Gia công bê đỡ ghi lò 2400x720mm; Bao gồm: 1 vòng thân+ 3 vấu+ 1 mặt đế dưới + 1 mặt đế trên + 8 gân gia cường; Vật liệu Q235A		Tám	5			
20	Thép tấm	R1200xR835x35mm; Vật liệu Q235A (1 tấm gồm 2 cái R1200xR835x35mm ghép lại)			Tám	5			
21	Thép tấm	650x8500x25mm; Vật liệu Q235A			Tám	5			
22	Thép tấm	Thép dày 25mm; Vật liệu Q235A Hình thang vuông, chiều cao 650mm, đáy nhỏ 135mm, đáy lớn 345mm			Tám	40			
23	Thép ống	DN400x1200mm; SCH100; Vật liệu Q235	Gia công ống nối trung gian Thông số theo bom: 150ZXV-900-TL-1700; Q=400m3/h; H=2.5m. vật liệu SS400; kích thước: D408xD720x1250mm		Cái	1			
24	Phôi thép	152x180x35mm; vật liệu SS400			Cái	3			
25	Phôi thép	Ø350xØ570x40mm; Vật liệu SS400			Cái	1			
26	Phôi thép	Ø395xØ700x40mm; Vật liệu SS400			Cái	1			
27	Thép hình	U100x46x4.5x5x3000mm; Vật liệu SS400			Cây	1			
28	Thép ống	DN400x950mm; SCH100; Vật liệu Q235	Gia công 02 bộ ru lô Ø400x950mm; bao gồm 2 gôi đỡ nửa SN218, vòng bi 22218 E		Cái	2			
29	Thép tròn đặc	Ø110x1350mm; Vật liệu C45			Cây	2			
30	Phôi thép	Ø140xØ390x16mm vật liệu C45			Cái	4			
31	Gôi đỡ vòng bi	SNL218			Cái	4			
32	Vòng bi	22218 E			Vòng	4			
33	Thép tấm	1250x2500x20mm; vật liệu SS400	Gia công 01 bộ ru lô Ø630x1150mm; bao gồm: 2 vòng bi 22226 E, 2 gôi đỡ 530x310x108mm, đường kính trục Ø143mm		Tám	1			
34	Phôi thép	Ø140xØ235x155mm; vật liệu C45			Cái	2			
35	Phôi thép	Ø220xØ610x16mm vật liệu C45			Cái	2			
36	Gôi đỡ vòng bi	SNL 526			Cái	2			
37	Vòng bi	22226 E			Vòng	2			
38	Phốt	140x170x15			Cái	2			

STT	Tên, chủng loại vật tư	Ký mã hiệu, Quy cách/thông số kỹ thuật	Đối tượng sử dụng/Mục đích sử dụng	Hãng sản xuất/Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tiến độ cung cấp
39	Phôi thép	Ø335xØ160x75mm; Vật liệu C45	Gia công khớp nối bơm - động cơ bơm 8/10LRB(I)85B (Ø330x184,5x170mm; Ø330x140x140mm) vật liệu C45 cho bơm dung dịch tinh A-12YHIS013b; Bơm nước cái A-13YH2S005a.		Cái	2			
40	Phôi thép	Ø335xØ130x75mm; Vật liệu C45			Cái	2			
41	Ty thủy lực	Ø30mm; Loại cứng CK45-HRC55	Gia công xy lanh thủy lực Ø60; chiều dài tổng thể 1111mm; chiều dài hành trình xy lanh 765mm, đầu nối ren thủy lực NPT A182-F304/304L DN15 (1/2)		Mét	4,8			
42	Ty thủy lực	Ø45mm; Loại cứng CK45-HRC55	Gia công xy lanh thủy lực Ø103; chiều dài tổng thể 745mm; chiều dài hành trình xy lanh 380mm, đầu nối ren thủy lực NPT A182-F304/304L DN15 (1/2)		Mét	3,1			
43	Ống xi lanh	Ø60xØ50mm; Độ nhám bề mặt: 0.2µm (lớn nhất); Đáp ứng tiêu chuẩn dung sai ISO H7-H9	Gia công xy lanh thủy lực Ø60; chiều dài tổng thể 1111mm; chiều dài hành trình xy lanh 765mm, đầu nối ren thủy lực NPT A182-F304/304L DN15 (1/2)		Mét	2,2			
44	Ống xi lanh	Ø83xØ70mm; Độ nhám bề mặt: 0.2µm (lớn nhất); Đáp ứng tiêu chuẩn dung sai ISO H7-H9.	Gia công xy lanh thủy lực Ø84 chiều dài tổng thể 600mm; chiều dài hành trình xy lanh 350mm, đầu nối ren thủy lực NPT A182-F304/304L DN15 (1/2)		Mét	1,2			
45	Ống xi lanh	Ø105xØ90mm; Độ nhám bề mặt: 0.2µm (lớn nhất); Đáp ứng tiêu chuẩn dung sai ISO H7-H9	Gia công xy lanh thủy lực Ø103; chiều dài tổng thể 745mm; chiều dài hành trình xy lanh 380mm, đầu nối ren thủy lực NPT A182-F304/304L DN15 (1/2)		Mét	1,2			
46	Phốt ty thủy lực	D30: Bao gồm 01 phốt chặn nhốt (Ø30xØ38x6mm). 01 bạc dẫn hướng (Ø30xØ36x30mm). 01 phốt chặn bụi (Ø30xØ36x6mm)	Gia công xy lanh thủy lực Ø60; chiều dài tổng thể 1111mm; chiều dài hành trình xy lanh 765mm, đầu nối ren thủy lực NPT A182-F304/304L DN15 (1/2)		Bộ	2			
47	Phốt ty thủy lực	D45: Bao gồm 01 phốt chặn nhốt (Ø45xØ53x8mm). 01 dẫn hướng (Ø45xØ51x30mm). 01 phốt chặn bụi (Ø45xØ51x6mm)	Gia công xy lanh thủy lực Ø84 chiều dài tổng thể 600mm; chiều dài hành trình xy lanh 350mm, đầu nối ren thủy lực NPT A182-F304/304L DN15 (1/2)		Bộ	4			

1.1
 1.2
 1.3
 1.4
 1.5
 1.6
 1.7
 1.8
 1.9
 2.0
 2.1
 2.2
 2.3
 2.4
 2.5
 2.6
 2.7
 2.8
 2.9
 3.0
 3.1
 3.2
 3.3
 3.4
 3.5
 3.6
 3.7
 3.8
 3.9
 4.0
 4.1
 4.2
 4.3
 4.4
 4.5
 4.6
 4.7
 4.8
 4.9
 5.0
 5.1
 5.2
 5.3
 5.4
 5.5
 5.6
 5.7
 5.8
 5.9
 6.0
 6.1
 6.2
 6.3
 6.4
 6.5
 6.6
 6.7
 6.8
 6.9
 7.0
 7.1
 7.2
 7.3
 7.4
 7.5
 7.6
 7.7
 7.8
 7.9
 8.0
 8.1
 8.2
 8.3
 8.4
 8.5
 8.6
 8.7
 8.8
 8.9
 9.0
 9.1
 9.2
 9.3
 9.4
 9.5
 9.6
 9.7
 9.8
 9.9
 10.0

STT	Tên, chủng loại vật tư	Ký mã hiệu, Quy cách/thông số kỹ thuật	Đối tượng sử dụng/Mục đích sử dụng	Hãng sản xuất/Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tiến độ cung cấp
48	Phốt piston	D50 Bao gồm 02 phốt thủy lực (Ø50xØ40x8mm), 01 bạc dẫn hướng (Ø50xØ44x20mm)	Gia công xy lanh thủy lực Ø60; chiều dài tổng thể 1111mm; chiều dài hành trình xy lanh 765mm, đầu nối ren thủy lực NPT A182-F304/304L DN15 (1/2)		Bộ	2			
49	Phốt piston	D70: Bao gồm 02 phốt thủy lực (Ø70xØ60x8mm), 01 dẫn hướng (Ø70xØ64x20mm)	Gia công xy lanh thủy lực Ø84 chiều dài tổng thể 600mm; chiều dài hành trình xy lanh 350mm, đầu nối ren thủy lực NPT A182-F304/304L DN15 (1/2"-14NPT)		Bộ	2			
50	Phốt piston	D90: Bao gồm 02 phốt thủy lực (Ø90xØ80x10mm), 01 dẫn hướng (Ø90xØ84x20mm)	Gia công xy lanh thủy lực Ø103; chiều dài tổng thể 745mm; chiều dài hành trình xy lanh 380mm, đầu nối ren thủy lực NPT A182-F304/304L DN15 (1/2)		Bộ	2			
51	Gioăng cao su	Ø21x3mm; Vật liệu Viton	Phục vụ chung gia công Gia công xy lanh thủy lực Ø60; chiều dài tổng thể 1111mm; chiều dài hành trình xy lanh 765mm, đầu nối ren thủy lực NPT A182-F304/304L DN15 (1/2), Gia công xy lanh thủy lực Ø84 chiều dài tổng thể 600mm; chiều dài hành trình xy lanh 350mm, đầu nối ren thủy lực NPT A182-F304/304L DN15 (1/2), Gia công xy lanh thủy lực Ø103; chiều dài tổng thể 745mm; chiều dài hành trình xy lanh 380mm, đầu nối ren thủy lực NPT A182-F304/304L DN15 (1/2)		Cái	4			
52	Gioăng cao su	Ø40x3mm; Vật liệu Viton			Cái	4			
53	Gioăng cao su	Ø50x3mm; Vật liệu Viton			Cái	4			
54	Gioăng cao su	Ø70x3mm; Vật liệu Viton			Cái	4			
55	Gioăng cao su	Ø90x3mm; Vật liệu Viton			Cái	4			
56	Kép nối ống	NPT A182-F304/304L DN15 (1/2"-14NPT)			Cái	24			
II	Vật tư tiêu hao								
1	Mảnh hợp kim cứng hàn dao tiền ren	YG6	Phục vụ công tác gia công		Gram	360			
2	Tay cắt plasma	A141, dây dài 10m	Phục vụ công tác gia công		Bộ	1			
3	Súng hàn mig	Theo máy hàn mig Pana-Auto KR II 350	Phục vụ công tác gia công		Bộ	2			
4	Bếp cắt	106HC số 2	Phục vụ công tác gia công		Cái	12			
5	Bếp hàn CO2	M6x45x1 2mm	Phục vụ công tác gia công		Cái	35			

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT

STT	Tên, chủng loại vật tư	Ký mã hiệu, Quy cách/thông số kỹ thuật	Đối tượng sử dụng/Mục đích sử dụng	Hãng sản xuất/Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tiến độ cung cấp
6	Bếp cắt plasma	Sử dụng cho tay cắt plasma A141, loại 1.4mm	Phục vụ công tác gia công		Cái	10			
7	Đệm chia khí	Sử dụng cho tay cắt plasma A141	Phục vụ công tác gia công		Cái	6			
8	Sáp chống dính	NZ 400 Korea	Phục vụ công tác gia công		Hộp	4			
9	Chụp khí	Sử dụng cho máy hàn mig pana auto KR 350- KR500	Phục vụ công tác gia công		Cái	8			
10	Khớp nối bếp hàn	Sử dụng cho máy hàn mig pana auto KR 350- KR500	Phục vụ công tác gia công		Cái	8			
11	Khớp nối chụp	Sử dụng cho máy hàn mig pana auto KR 350- KR500	Phục vụ công tác gia công		Cái	8			
12	Đá mài	Ø100x6x16mm	Phục vụ công tác gia công		Cái	8			
13	Đá mài xếp	Ø100x16x6mm	Phục vụ công tác gia công		Viên	100			
14	Đá cắt	Ø350x2.5x25.4mm	Phục vụ công tác gia công, phục hồi		Viên	30			
15	Dao cắt	2710x27x0.9mm; bước răng 4/6 TPI	Phục vụ công tác gia công		Viên	12			
16	Dây hàn lõi thuốc	K71T-1.2	Phục vụ công tác gia công		Cái	2			
17	Dây hàn lõi thuốc	K-110TK3	Phục vụ công tác gia công		Kg	90			
18	Que hàn chịu lực	K7018; 3.2mm	Phục vụ công tác gia công		Kg	345			
19	Màng bọc	50cm; 3kg/cuộn; vật liệu: nhựa PE; màu trắng	Phục vụ công tác gia công, phục hồi		Kg	25			
20	Sơn chống gỉ	Màu đỏ; 3lít/hộp	Phục vụ công tác gia công, phục hồi		Cuộn	3			
21	Sơn chống gỉ	Màu xanh; 3lít/hộp	Phục vụ công tác gia công, phục hồi		Hộp	6			
22	Sơn dầu	Màu xanh	Phục vụ công tác gia công, phục hồi		Hộp	12			
23	Keo dán gioăng	85g/tuýp; màu đỏ	Phục vụ công tác gia công, phục hồi		Kg	5			
24	Chổi đồng đánh rỉ	Chất liệu: Sợi đồng mềm. Chiều dài chổi đánh rỉ sắt: 22.5cm; Chiều dài cước đồng: 12cm; Chiều dài cán: 9cm	Phục vụ công tác giải thể, phục hồi		Tuýp	15			
Tổng cộng trước thuế					Cái	5			
Thuế VAT								0	
Tổng cộng sau thuế								0	
								0	